TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 02 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chương;

2. Bà Ngô Thị Thu Hà.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Ông Đào Quang Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 711/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 424/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990, đăng ký thường trú: thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi đang sinh sống: Thôn V, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1982; thường trú: Thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn khởi kiện với nội dung chị và anh Bùi Văn H quen biết, phát sinh tình cảm rồi đi đến hôn nhân tự nguyện. Chị và anh H đã đăng ký kết hôn ngày 31/12/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, chị và anh H về chung sống cùng nhau tại thị trấn M, huyện T. Quá trình chung sống hạnh phúc, chị và anh H có một con chung. Khoảng đầu năm 2014, chị phát hiện

anh H sử dụng ma túy. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên can và đề nghị anh H đi cai nghiện tập trung. Tuy nhiên anh H không nghe và không từ bỏ được ma túy. Từ đó, vợ chồng bất đồng quan điểm trong về tất cả các vấn đề trong cuộc sống. Cuộc sống vợ chồng căng thẳng, thường xuyên cãi mắng lẫn nhau, thỉnh thoảng xảy ra xô xát. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn trầm trọng, cuối năm 2016 chị đã mang con về nhà bố mẹ đẻ của chị tại xã T, huyện M, Thành phố Hà Nội sinh sống. Chị đã ly thân và không quan tâm đến anh H nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh H. Con chung giữa chị và anh H là Bùi Thị Kim T, sinh ngày 16/4/2012. Hiện nay con đang được chị trực tiếp nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Chị hiện đang làm việc và có thu nhập ổn định tại khu công nghiệp M, Thành phố Hà Nội. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng cho con tùy vào anh H, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản.

Anh Bùi Văn H là bị đơn đồng ý với nội dung chị Nguyễn Thị N khai về quan hệ hôn nhân, về con chung. Quan điểm của chị N xin ly hôn, anh không đồng ý. Vì đã có lúc anh ham chơi nhưng đã kịp nhận ra sai trái và sửa chữa để bù đắp cho vợ con. Cuộc sống vợ chồng có va chạm, thậm chí đánh nhau nhưng theo anh việc đó chưa đến mức phải ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, anh đề nghị Tòa án tạo điều kiện một thời gian để anh chứng minh tình cảm với chị N. Trong trường hợp chị N quyết tâm ly hôn và sự ly hôn xảy ra thì anh có mong muốn được nuôi con. Tuy nhiên, con hiện đang sống với chị N và chị N muốn nuôi con thì anh cũng đồng ý. Việc cấp dưỡng cho con anh sẽ thỏa thuận trực tiếp với chị N và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh không yêu cầu Tòa án chia tài sản.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về người nuôi dưỡng con chung, đề nghị xem xét giao cháu Bùi Thị Kim T cho chị Nguyễn Thị N nuôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về yêu cầu của chị Nguyễn Thị N ly hôn với anh Bùi Văn H

Chị N và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận đăng ký kết hôn. Do đó, kết hôn giữa chị N và anh H là hợp pháp. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được, cuối năm 2016 chị N và anh H đã ly thân cho đến nay. Chị N kiên quyết xin ly hôn, anh H không đồng ý ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, anh H cũng đã bày tỏ tình cảm mong muốn được đoàn tụ gia đình nhưng chị N vẫn giữ quan điểm xin ly hôn. Xét quan hệ hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu

thương của hai phía. Nhưng tình cảm của chị N dành cho anh H đã không còn.Anh H cũng đã thể hiện mong muốn níu kéo nhưng chị N vẫn không thay đổi. Điều đó chứng minh quan hệ giữa chị N và anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N xin ly hôn với anh H.

[2] Về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con

Chị N và anh H có một con chung là Bùi Thị Kim T, sinh ngày 16/4/2012. Lời khai của chị N và anh H thể hiện điều kiện nuôi con của mỗi người là ngang nhau. Chị N đề nghị chị được trực tiếp nuôi con, anh H cũng đồng ý để chị N nuôi con. Cháu Bùi Thị Kim T hiện đang được chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định và phát triển bình thường. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con trên cơ sở điều kiện, hoàn cảnh của hiện tại của chị N và anh H, Hội đồng xét xử xét giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với lợi ích của con.

Cấp dưỡng cho con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Anh H đề nghị được tự thỏa thuận với chị N về việc cấp dưỡng cho con. Xét đề nghị của chị N và anh H hoàn toàn tự nguyện, quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không buộc anh H phải cấp dưỡng cho con.

[3] Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn H không đề nghị chia tài sản nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

- Cho chị Nguyễn Thị N ly hôn với anh Bùi Văn H.

- Giao cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng con là Bùi Thị Kim T, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2012 đến khi con thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0005898 ngày 24/10/2017

tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

- Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Anh Bùi Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- UBND thị trấn M, huyện T;
- TAND, VKSND TP. Hải Phòng;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Quốc Phương